

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2017/HS-PT  
Ngày: 27/12/2017

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

***- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hữu Tuấn

*Các thẩm phán:* Ông Đặng Văn Lộc

Bà Phạm Thị Hồng Hà

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Thái Thành Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:***  
Ông Phạm Văn Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 103/2017/TLPT-HS ngày 02 tháng 11 năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Thị N do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2017/HS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

***Bị cáo có kháng cáo:*** Nguyễn Thị N, sinh năm 1967; nơi đăng ký thường trú: Ấp A, xã K, huyện M, tỉnh Đồng Tháp; chỗ ở hiện nay: Ấp T, xã L, huyện B, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hoá: 02/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn A (chết) và bà Nguyễn Thị H; có chồng là Nguyễn Văn C (đã ly hôn) và có 01 con; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị cáo được tại ngoại (có mặt).

***- Người làm chứng:***

1. Võ Thị Đào T

2. Đặng Thị Kim L

3. Nguyễn Minh C1

4. Nguyễn Văn P

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào khoảng 19 giờ ngày 20/4/2017, Công an huyện B tiến hành kiểm tra quán giải khát Y thuộc ấp T, xã L, huyện B, tỉnh Vĩnh Long do bị cáo Nguyễn Thị N làm chủ quán và lập biên bản vi phạm quả tang đối với 02 đôi nam nữ đang thực hiện hành vi mua bán dâm tại phòng số 01 và phòng số 03 ở trong quán. Tang vật thu giữ gồm:

+ Tại phòng số 01: 02 bao cao su đã qua sử dụng, 01 bao cao su chưa sử dụng, 04 khăn ướt màu trắng đã qua sử dụng và số tiền 100.000 đồng.

+ Tại phòng số 03: 01 bao cao su đã qua sử dụng, 06 khăn ướt màu trắng đã qua sử dụng.

Trong quá trình điều tra, bị cáo Nguyễn Thị N khai nhận vào khoảng tháng 10/2011, bị cáo thuê nhà đất để mở quán nước giải khát, đến khoảng tháng 09/2014, bị cáo bố trí 03 phòng ở trong quán để thực hiện mát sa kích dục cho khách nam. Bị cáo N nhận các tiếp viên nữ từ trên 30 tuổi vào phụ bán quán và hoạt động mát sa kích dục cho khách nam khi có nhu cầu, các tiếp viên không được trả lương mà chỉ nhận tiền từ việc kích dục cho khách. Bị cáo N quy định mỗi suất mát sa kích dục thời gian 30 phút với giá 100.000 đồng/suất, bị cáo lấy 30.000 đồng, tiếp viên lấy 70.000 đồng.

Khoảng tháng 01/2017, bị cáo N thực hiện thêm hoạt động chứa mại dâm tại quán của mình, bằng phương thức cho các tiếp viên nữ ra tiếp khách là nam giới rồi mời chào mua bán dâm tại quán khi khách có nhu cầu. Bị cáo N thỏa thuận với các tiếp viên mỗi lần bán dâm bên trong quán thì bị cáo lấy 50.000 đồng/lượt, giá tiền mỗi lần bán dâm do tiếp viên và khách tự thỏa thuận. Tính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 19/4/2017 thì bị cáo N đã chứa mại dâm được 109 ngày, trung bình mỗi ngày thu nhập 20.000 đồng, tổng cộng 2.180.000 đồng. Ngày 20/4/2017, bị cáo N thu được số tiền 60.000 đồng từ việc mua bán dâm, tổng số tiền thu nhập bất hợp pháp từ hoạt động chứa mại dâm và mát sa kích dục là 2.240.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2017/HS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định như sau:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị N phạm tội “Chứa mại dâm”

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 254, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017; khoản 3 Điều 7, điểm c khoản 2 Điều 327 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo 02 (hai) năm 06 tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, về xử lý vật chứng và quyền kháng cáo của bị cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 02/10/2017, bị cáo Nguyễn Thị N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo. Lý do, mẹ của bị cáo 85 tuổi đang bị tai biến không người chăm sóc và bị cáo phải nuôi dưỡng con nhỏ, đang học lớp 3.

Tại phiên tòa vị kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Bản án sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất mức độ hành vi nguy hiểm của bị cáo, xử phạt bị cáo về tội chứa mại dâm với tình tiết định khung phạm tội nhiều lần là có căn cứ. Cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo. Đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo N, giữ nguyên bản án sơ thẩm đã xử.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị cáo Nguyễn Thị N thừa nhận từ ngày 01/01/2017 đến ngày 20/4/2017 bị cáo N đã nhiều lần thực hiện hành vi chứa mại dâm tại các phòng do mình quản lý và bị bắt quả tang vào ngày 20/4/2017 trong khi 02 đôi nam nữ đang thực hiện hành vi mua bán dâm tại phòng số 01 và phòng số 03. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của những người bán dâm, người mua dâm và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Tòa án cấp sơ thẩm kết án bị cáo Nguyễn Thị N về tội "Chứa mại dâm" theo điểm c khoản 2 Điều 254 Bộ luật hình sự là có căn cứ. Tuy nhiên tại điểm c khoản 2 Điều 327 của Bộ luật Hình sự 2015 (có khung hình phạt từ 05 năm đến 10 năm) là thấp hơn điểm c khoản 2 Điều 254 của Bộ luật Hình sự 1999 (có khung hình phạt từ 05 năm đến 15 năm) nên áp dụng nguyên tắc có lợi cho bị cáo được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi bổ sung một số điều theo luật số 12/2017/QH14 về hiệu lực thi hành của Bộ luật Tố tụng hình sự số 101/2015/QH13, Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự số 99/2015/QH13, Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam số 94/2015/QH13.

[2] Xét hành vi chứa mại dâm của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến đạo đức, thuần phong mỹ tục, đời sống văn hóa và trật tự an toàn xã hội. Hành vi mại dâm tác động tiêu cực đến nếp sống văn minh, huỷ hoại nhân cách con người, gây thiệt hại về vật chất, tinh thần cho nhiều gia đình, cá nhân, là nguyên nhân làm phát sinh nhiều loại tội phạm và tệ nạn xã hội khác, làm lây truyền các bệnh xã hội nguy hiểm. Chính vì vậy cần có một mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi mà bị cáo đã gây ra nhằm giáo dục cho bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Xét Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như: Đã thành khẩn khai báo, đã tự nguyện nộp lại số tiền thu lợi bất chính, tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải, bị cáo chưa có tiền án tiền sự, trình độ học vấn thấp nên

nhận thức pháp luật còn hạn chế, hoàn cảnh kinh tế khó khăn, chi ruột của bị cáo là người có công với cách mạng, bị cáo là lao động chính trong gia đình, đây là các tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự.

[3] Xét bị cáo N phạm tội từ hai lần trở lên theo điểm c khoản 2 Điều 327 của Bộ luật Hình sự 2015 (có khung hình phạt từ 05 năm đến 10 năm), Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo 02 năm 06 tháng tù là đã xem xét giảm nhẹ cho bị cáo và xử dưới khung hình phạt. Bị cáo kháng cáo cho rằng bị cáo phải nuôi mẹ già và 01 người con còn nhỏ: Nhận thấy cha mẹ bị cáo có 07 người con, ngoài bị cáo còn có 06 anh chị em khác chăm sóc, nuôi dưỡng mẹ già, thực tế khi bị cáo thuê quán để buôn bán cũng không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng mẹ. Về việc nuôi con còn nhỏ: Theo lý lịch bị cáo khai được công an xã xác nhận bị cáo N có 01 người con tên Nguyễn Thị Trúc L1 sinh năm 1991 (đã thành niên), ngoài ra bị cáo trình bày còn có 01 người con khác tên Nguyễn Thị Thảo N1, sinh năm 2009, tuy nhiên theo giấy khai sinh của cháu Thảo N1 do bị cáo xuất trình thì mẹ của cháu là Nguyễn Thị T1, giấy khai sinh là chứng thư pháp lý của Nhà nước ghi nhận về quan hệ cha mẹ của đứa trẻ, vì vậy lời trình bày của bị cáo là không có cơ sở chấp nhận.

Từ những nhận định trên xét thấy kháng cáo của bị cáo N yêu cầu xem xét giảm nhẹ và được hưởng án treo là không có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 248 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Thị N và giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2017/HS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị N phạm tội “Chứa mại dâm”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 254, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009); điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017; khoản 3 Điều 7, điểm c khoản 2 Điều 327 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

1. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm b khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Thị N phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về xử lý vật chứng, tịch thu tiêu hủy, tịch thu sung công quỹ, buộc bị cáo nộp số tiền thu lợi bất hợp pháp, án phí hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- TANDTC: 01b;
- VKSNDTVL: 02b;
- Chánh án: 01b;
- TANDHB: 01b;
- THADSHB: 02b;
- Sở Tư pháp: 01b;
- Trại tạm giam: 01b;
- CQCSĐT Công an huyện B: 01b;
- Bị cáo: 01b;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án: 04b.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

**Nguyễn Hữu Tuấn**